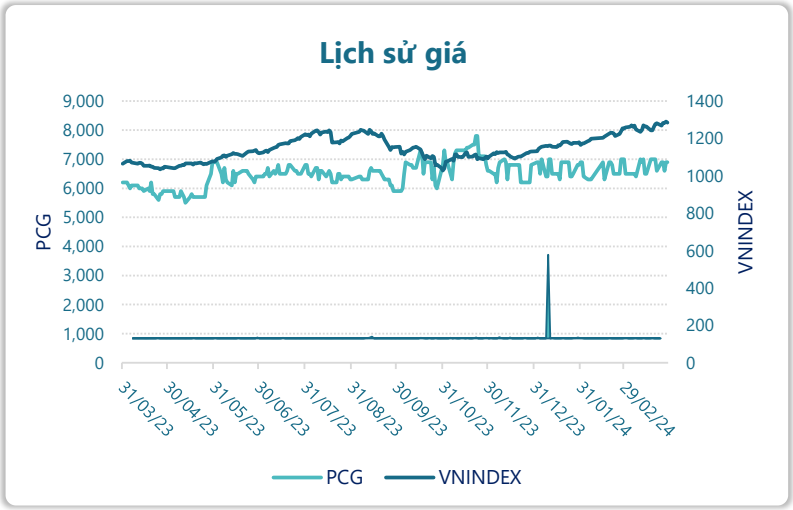
FireAnt

CTCP Đầu tư Phát triển Gas Đô thị (HNX: PCG)



Thông tin giao dịch	31/03/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**6,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	7,800
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,500
SL cổ phiếu LH	18,870,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,395
% sở hữu nước ngoài	48.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	130
P/E	-37.4
EPS	-185

DT thuần

Q1/24

90.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼2.60| -2.8%

YoY: ▲ 12.1| 15.5%

LN sau thuế

Q1/24

-4.91

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.63| -386%

YoY: ▼4.33| -747%

Tỷ suất lãi EBIT

2023

0.7%

+/- YoY: ▲ 0.4%

DT thuần

2023

309

tỷ VNĐ

YoY: ▼112| -26.6%

LN sau thuế

2023

0.99

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 0.89| 924%

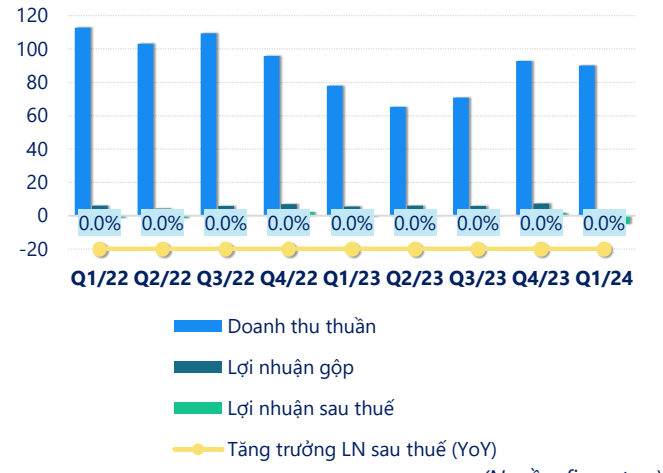
ROE

2023

0.6%

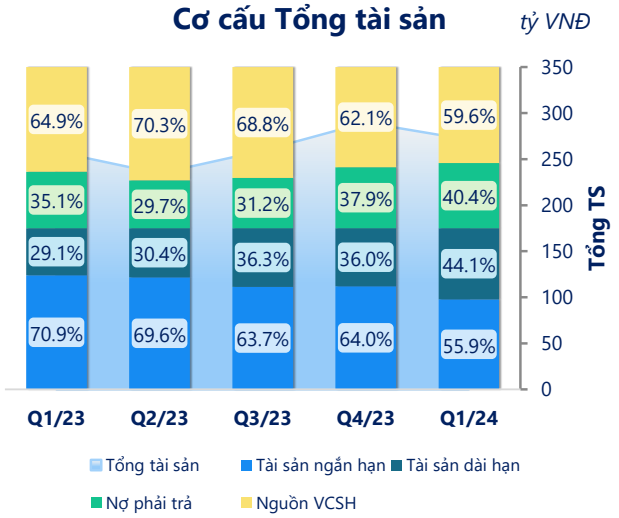
+/- YoY: ▲ 0.5%

Kết quả kinh doanh



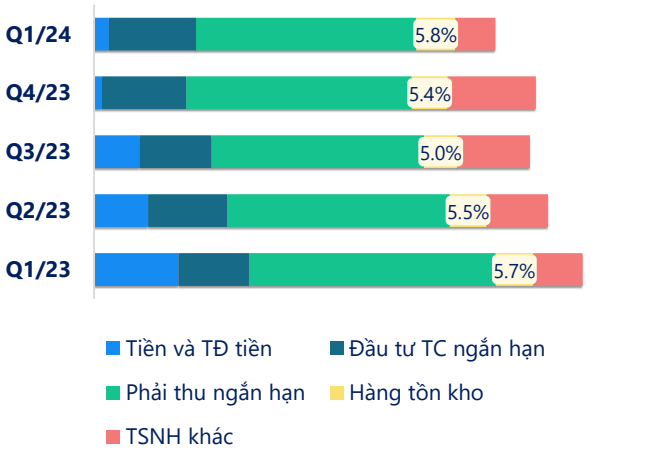
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



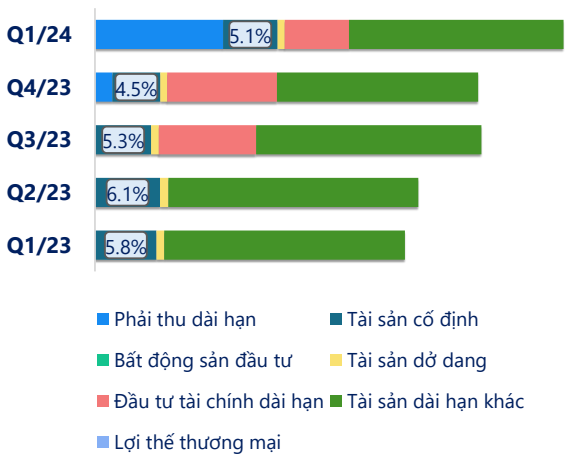
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



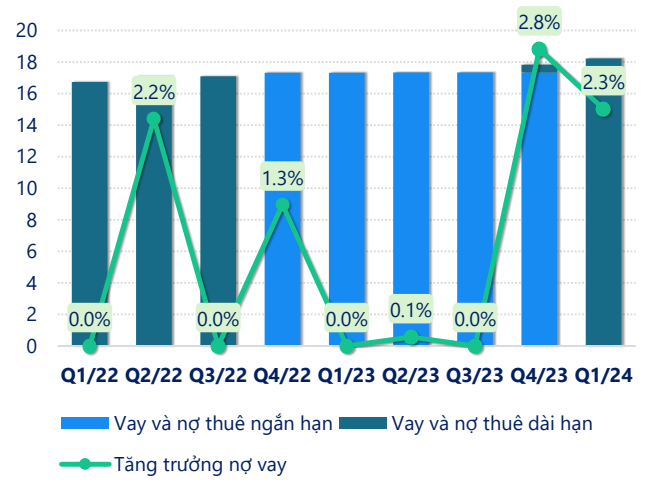
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



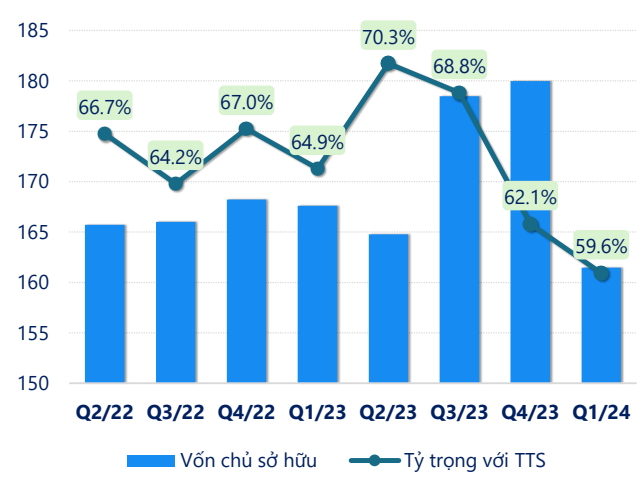
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



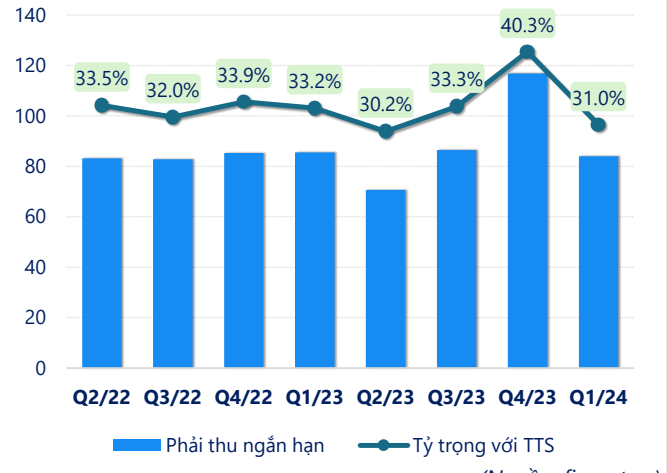
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



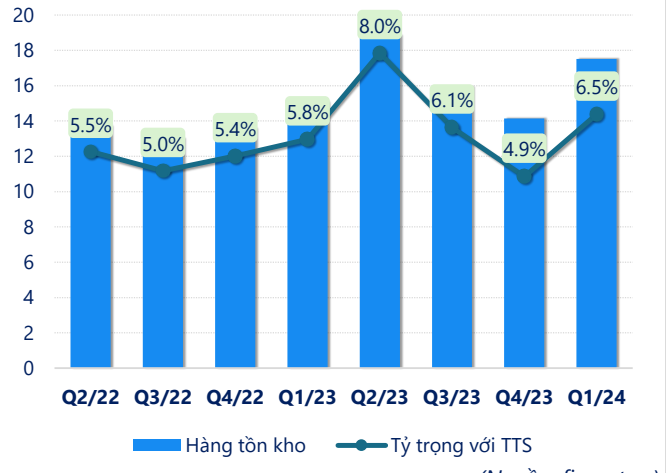
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



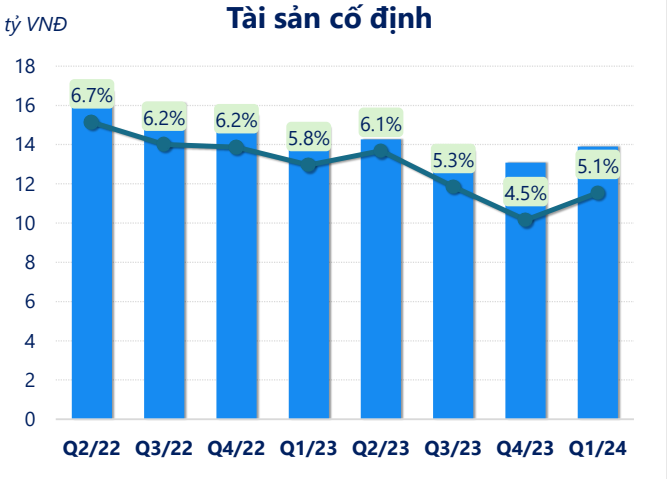
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



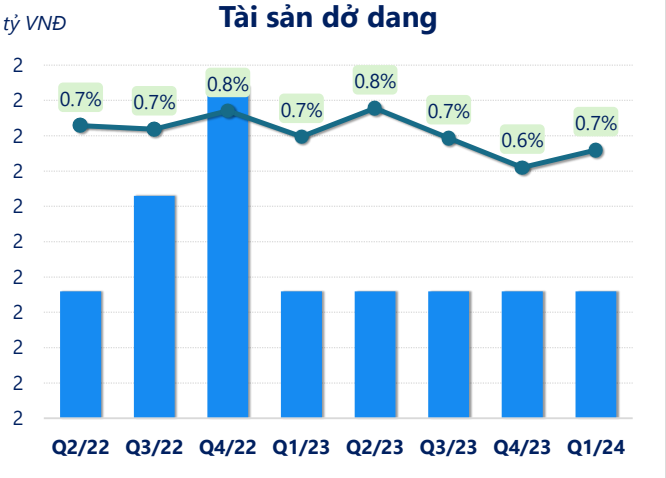
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



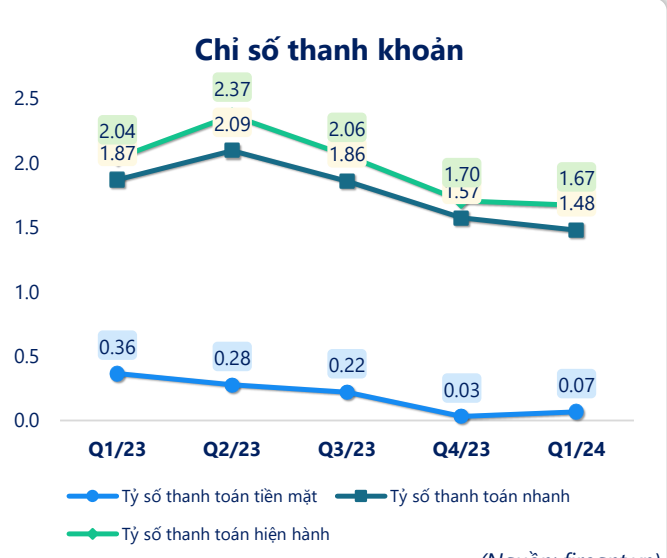
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



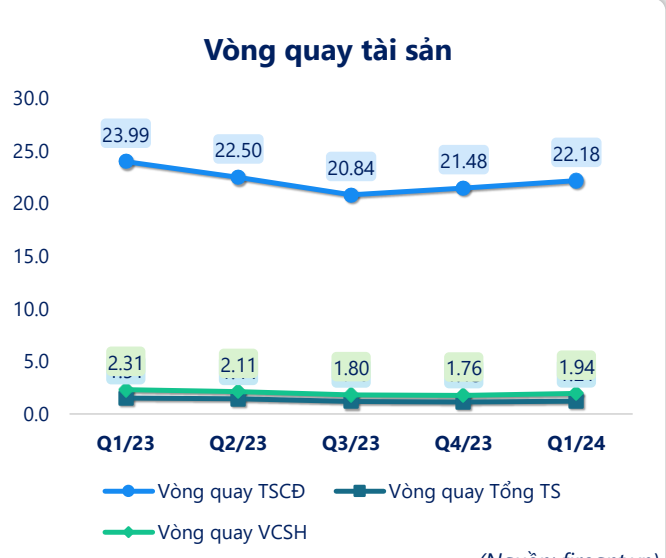
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Tổng tài sản	**258**	**234**	**259**	**290**	**271**
Tài sản ngắn hạn	**183**	**163**	**165**	**185**	**152**
Tiền và tương đương tiền	32.7	19.1	17.7	3.43	5.99
Đầu tư tài chính ngắn hạn	33.8	35.1	21.2	21.7	19.7
Phải thu ngắn hạn	85.6	70.7	86.5	117	84.0
Hàng tồn kho	15.1	18.8	15.9	14.1	17.5
Tài sản ngắn hạn khác	15.7	19.4	23.9	29.2	24.3
Tài sản dài hạn	**75.2**	**71.2**	**94.2**	**104**	**119**
Phải thu dài hạn	0.07	0.06	0.06	4.73	32.6
Tài sản cố định	14.9	14.3	13.7	13.1	13.9
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	1.85	1.85	1.85	1.85	1.85
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	23.8	29.9	16.3
Tài sản dài hạn khác	58.4	55.1	54.9	54.8	54.7
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**90.5**	**69.6**	**80.9**	**110**	**109**
Nợ ngắn hạn	**89.8**	**68.9**	**80.3**	**109**	**90.7**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	17.3	17.3	17.3	17.3	0
Phải trả người bán ngắn hạn	62.5	38.9	47.7	77.4	72.6
Nợ dài hạn	0.66	0.67	0.54	0.96	18.7
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	0	0.49	18.2
Nguồn vốn chủ sở hữu	**168**	**165**	**178**	**180**	**161**
Vốn chủ sở hữu	**168**	**165**	**178**	**180**	**161**
Vốn điều lệ	189	189	199	199	189
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)